

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-02-2021

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 381/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - SN: 1982;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1 - SN: 1973;

Cùng trú tại: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông H1 tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 18/4/2008 tại UBND xã L, huyện P1 (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông H1 suốt ngày nhậu nhẹt về đánh đập vợ con, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình, con cái, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án được ly hôn với ông H1.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh năm 1999, cháu Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2001, cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 2005. Hiện các cháu đã trưởng thành nên khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Nguyễn Văn H1 có nơi đăng ký thường trú tại thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với ông H1.

Bị đơn không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ

vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông H1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 18/4/2008 tại UBND xã L, huyện Phước Long (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước, tại thời điểm kết hôn cả bà H và ông H1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà H và kết quả xác minh tại địa phương trong quá trình chung sống, bà H và ông H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của bà H và ông H1 mâu thuẫn trầm trọng, bà H không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, dẫn đến vợ chồng sống ly thân nên yêu cầu của bà H được ly hôn với ông H1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011912, quyển số 0239 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

